



**DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN (Vòng 1)
NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	TT	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên trường	Môn học	Ghi chú
1	1	Nguyễn Chánh	Thiện	24/11/2009	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
2	2	Đỗ Minh	Quân	08/03/2009	95	THCS Colette	Toán	
3	3	Lê Nguyên	Khánh	08/09/2009	9/2	THCS Lương Thế Vinh	Toán	
4	4	Nguyễn Hoàng Thiên	Vũ	18/06/2009	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
5	5	Vũ Hoàng	Yến	04/01/2009	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
6	6	Nguyễn Thanh	Duy	02/04/2009	9/2	THCS Bàn Cờ	Toán	
7	7	Huỳnh Ngọc Thu	Phương	26/08/2009	9-8	THCS Lê Lợi	Toán	
8	8	Trần Ngọc Thảo	Vy	27/09/2009	93	THCS Colette	Toán	
9	9	Cao Nguyễn Bảo	Nghi	05/11/2009	95	THCS Colette	Toán	
10	10	Nguyễn Đức	Nhân	11/10/2009	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
11	11	Trần Hải	An	13/08/2009	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
12	12	Võ Trung Duy	Nam	29/07/2009	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
13	13	Nguyễn Phúc Thiên	Kim	16/03/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Toán	
14	14	Nguyễn Minh	Cát	14/05/2009	9P2	THCS Colette	Toán	
15	15	Hoàng Tấn	Phúc	10/11/2009	9a1	THCS Đoàn Thị Điểm	Toán	
16	16	Đỗ Huỳnh Thảo	Nguyên	14/08/2009	9_03	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
17	17	Nguyễn Bá Hoài	Văn	11/11/2009	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
18	18	Nguyễn Huy	Hoàng	20/01/2009	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
19	19	Hồ Nguyễn Huy	Thông	26/05/2009	9-2	THCS Lê Lợi	Toán	
20	20	Trần Võ Phương	Uyên	22/03/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Toán	
21	21	Văn Hoàng Minh	Anh	21/05/2009	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Toán	
22	22	Dương Phúc	Bảo	22/04/2009	9/1	THCS Hai Bà Trưng	Toán	
23	23	Phạm Ngọc	Hiếu	11/06/2009	9-6	THCS Lê Lợi	Toán	
24	24	Lê Trung	Kiên	18/04/2009	9-1	THCS Lê Lợi	Toán	
25	25	Trần Ngọc Bảo	Trân	14/12/2009	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Toán	
26	26	Nguyễn Đình	Trí	18/02/2009	9_04	THCS Lê Quý Đôn	Toán	

STT	TT	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên trường	Môn học	Ghi chú
27	1	Trần Quang	Huy	16/07/2009	9A1	THCS Phan Sào Nam	Vật lý	
28	2	Trương Đình	Nguyên	05/04/2009	9_10	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
29	3	Ngô Minh	An	11/09/2009	9A2	THCS Bạch Đằng	Vật lý	
30	4	Phạm Khánh	Anh	02/02/2009	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
31	5	Nguyễn Vi	Lâm	17/03/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
32	6	Nguyễn Hoàng Thiên	Nga	31/10/2009	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
33	7	Đinh Nguyễn Trâm	Anh	23/11/2009	9_04	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
34	8	Nguyễn Nguyên Hà	My	22/11/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
35	9	Nguyễn Đức	Duy	02/10/2009	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
36	10	Dương Nguyễn Phú	Khang	25/02/2009	9A3	THCS Kiến Thiết	Vật lý	
37	11	Nhữ Khánh	An	25/03/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
38	12	Mai Thành	Nhân	02/04/2009	9a5	THCS Đoàn Thị Điểm	Vật lý	
39	13	Phạm Phú	Thịnh	15/03/2009	9_02	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
40	14	Nguyễn Đặng Hải	Nam	27/01/2009	9a6	THCS Đoàn Thị Điểm	Vật lý	
41	15	Nguyễn Ngọc Châu	Ngân	08/02/2009	9A1	THCS Thăng Long	Vật lý	
42	16	Quách Phạm Minh	Nhiên	17/11/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
43	17	Phù Đăng	Khoa	29/08/2009	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Vật lý	
44	18	Trần Âu Nguyệt	Tú	26/04/2009	95	THCS Colette	Vật lý	
45	19	Bùi Huy	Khôi	24/08/2009	9A1	THCS Kiến Thiết	Vật lý	
46	20	Nguyễn Lương Hiếu	Minh	18/04/2009	94	THCS Colette	Vật lý	
47	21	Triệu Ngọc	Toàn	04/09/2009	9/2	THCS Bàn Cờ	Vật lý	
48	22	Nguyễn Đình Quốc	Trung	12/01/2009	9/7	THCS Hai Bà Trưng	Vật lý	
49	23	Giang Hào	Quang	15/10/2009	99	THCS Colette	Vật lý	
50	24	Lê Minh	Triết	09/11/2009	9C	Tây Úc	Vật lý	
51	25	Nguyễn Thị Ái	Vy	03/11/2009	9A4	THCS Bạch Đằng	Vật lý	
52	1	Trần Phương	Anh	31/05/2009	95	THCS Colette	Ngữ văn	
53	2	Nguyễn Hoàng Mai	Anh	17/09/2009	9a2	THCS Đoàn Thị Điểm	Ngữ văn	
54	3	Trần Ngọc Minh	Châu	12/06/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	
55	4	Dương Vĩnh	An	01/04/2009	9A2	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	
56	5	Nguyễn Bảo Vi	An	14/12/2009	9a2	THCS Đoàn Thị Điểm	Ngữ văn	
57	6	Phạm Nguyễn Thúy	Hằng	20/03/2009	96	THCS Colette	Ngữ văn	
58	7	Nguyễn Anh	Kiệt	15/07/2009	9-9	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	

STT	TT	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên trường	Môn học	Ghi chú
59	8	Lê Thảo	Chi	17/11/2009	9/8	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	
60	9	Trần Ngọc Minh	Khanh	13/01/2009	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
61	10	Vũ Trúc	Giang	05/08/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	
62	11	Nguyễn Đàm Bảo	Ngọc	18/05/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	
63	12	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	01/03/2009	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Ngữ văn	
64	13	Nguyễn Như	Quỳnh	19/10/2009	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
65	14	Nguyễn Thanh	An	30/11/2009	9D	Tây Úc	Ngữ văn	
66	15	Nguyễn Thụy Ngọc	Hân	10/05/2009	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
67	16	Lê Gia Phúc	Uyên	26/02/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	
68	17	Phạm Minh	Đức	12/09/2009	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
69	18	Nguyễn Phương	Linh	10/01/2009	9A1	THCS Kiến Thiết	Ngữ văn	
70	19	Lê Vinh	Quang	09/02/2009	9-2	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	
71	20	Đỗ Nguyễn Thanh	Thùy	31/07/2009	9-2	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	
72	21	Nguyễn Linh	Chi	26/10/2009	9_06	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn	
73	22	Bình Thanh Thảo	Nguyên	20/01/2009	9/1	THCS Lương Thế Vinh	Ngữ văn	
74	23	Huỳnh Lê Bảo	Nhi	11/05/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Ngữ văn	
75	24	Nguyễn Đào Phương	Uyên	16/05/2009	94	THCS Colette	Ngữ văn	
76	25	Bùi Nguyễn Hà	My	02/02/2009	9-1	THCS Lê Lợi	Ngữ văn	
77	1	Trần Đỗ Khánh	Như	19/01/2009	93	THCS Colette	Tiếng Anh	
78	2	Nguyễn Anh	Khoa	02/05/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
79	3	Trần Xuân	Chí	20/04/2009	9a2	THCS Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	
80	4	Phạm Vũ Châu	Anh	28/11/2009	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
81	5	Alex Xavier	Bell	02/02/2009	9A	Tây Úc	Tiếng Anh	
82	6	Hồ Ngọc Kim	Ngân	13/12/2009	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
83	7	Võ Hồng	Phúc	21/03/2009	9a3	THCS Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	
84	8	Đặng Minh	Khang	17/01/2009	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
85	9	Nguyễn Mỹ Khánh	Nghi	08/01/2009	92	THCS Colette	Tiếng Anh	
86	10	Lê Phúc	Thịnh	31/10/2009	9B	Tây Úc	Tiếng Anh	
87	11	Nguyễn Ngọc	Doanh	02/03/2009	9_01	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
88	12	Trần Phương	Mai	26/06/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
89	13	Lê Bảo	Ngọc	05/12/2009	9/9	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
90	14	Nguyễn Gia	Huy	02/09/2009	91	THCS Colette	Tiếng Anh	

STT	TT	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên trường	Môn học	Ghi chú
91	15	Phạm Hoàng Tấn	Minh	26/02/2009	9a2	THCS Đoàn Thị Điểm	Tiếng Anh	
92	16	Trần Cát	Nghi	08/04/2009	9/4	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
93	17	Nguyễn Lê Anh	Thư	05/02/2009	9_13	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
94	18	Trần Vĩnh	Huy	11/11/2009	92	THCS Colette	Tiếng Anh	
95	19	Trần Mạnh	Tùng	07/07/2009	9/1	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
96	20	Trần Phú	Thịnh	19/03/2009	93	THCS Colette	Tiếng Anh	
97	21	Tăng Khải	My	22/08/2009	9_09	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
98	22	Lê Đoàn Minh	Khôi	04/02/2009	9A2	THCS Bạch Đằng	Tiếng Anh	
99	23	Lê Trương Minh	Khuê	04/06/2009	9_04	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
100	24	Nguyễn Quốc	Huy	09/02/2009	9/5	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Anh	
101	25	Barker Matthew	Tim	05/03/2009	9C	Tây Úc	Tiếng Anh	
102	26	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	16/08/2009	9_04	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh	
103	27	Võ Long	Hung	14/06/2009	9/1	THCS Bàn Cờ	Tiếng Anh	
104	1	Hà Nguyễn Đăng	Khoa	09/03/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
105	2	Trần Quỳnh Khả	Doanh	12/05/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
106	3	Lê Lan	Phương	24/09/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
107	4	Cao Nguyễn Hoàng	Hung	11/02/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
108	5	Võ Ngọc Khải	My	29/03/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
109	6	Nguyễn Huyền	Trân	17/05/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
110	7	Phạm Thùy	Chi	15/12/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
111	8	Nguyễn Đắc Vô	Ưu	22/09/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
112	9	Phạm Huỳnh Khánh	Đan	20/03/2009	9_15	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Nhật	
113	10	Nguyễn Quỳnh	Lam	26/12/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
114	11	Trần Ngọc	Ánh	18/12/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
115	12	Phạm Lê Minh	Ngọc	26/12/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
116	13	Trần Huỳnh Thiên	Kim	08/08/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
117	14	Trần Phạm Hà	Linh	05/02/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
118	15	Nguyễn Thị Bằng	Linh	22/10/2009	9/11	THCS Hai Bà Trưng	Tiếng Nhật	
119	1	Lê Xuân	Quý	15/02/2009	9/10	THCS Hai Bà Trưng	Tin học	
120	2	Nguyễn Minh	Đăng	23/11/2009	9_13	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
121	3	Lê Hải	Đăng	08/01/2009	92	THCS Colette	Tin học	
122	4	Nguyễn Ngọc Hà	Anh	25/08/2009	9_06	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	

STT	TT	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên trường	Môn học	Ghi chú
123	5	Trương Bá	Nam	21/03/2009	9_11	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
124	6	Nguyễn Duy	Tiến	13/12/2009	9_12	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
125	7	Võ Minh	Trí	13/11/2009	9_03	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
126	8	Nguyễn Đình	Trung	22/02/2008	9-9	THCS Lê Lợi	Tin học	
127	9	Trần Quốc	Anh	08/01/2009	9_06	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
128	10	Trần Phong	Điền	18/07/2009	9_08	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
129	11	Lê Nguyên	Đình	20/10/2009	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
130	12	Lê	Hoàng	19/03/2009	99	THCS Colette	Tin học	
131	13	Đỗ Gia	Khang	11/01/2009	9B	Tây Úc	Tin học	
132	14	Nguyễn Huy	Khang	15/12/2009	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
133	15	Phạm	Khôi	18/02/2009	9_14	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
134	16	Huỳnh Ngọc	Tùng	20/07/2009	9_04	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	
135	17	Ngô Nguyễn Hữu	Đức	30/09/2009	9-2	THCS Lê Lợi	Tin học	
136	18	Nguyễn Đình	Kiên	22/02/2008	9-9	THCS Lê Lợi	Tin học	
137	19	Phạm Hồng Lạc	Vinh	03/10/2009	9_05	THCS Lê Quý Đôn	Tin học	

Tổng cộng danh sách có 137 học sinh.

Quận 3, ngày 27 tháng 10 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
Lương Trọng Bình